

MỘT SỐ BÀN LUẬN VỀ CHÍNH SÁCH KÍCH CẦU TRONG THỜI KỲ SUY THOÁI

Đào Thị Bích Thủy

Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN

Từ khi chính thức gia nhập WTO, Việt Nam đã hoàn toàn hội nhập với nền kinh tế thế giới và trở thành nền kinh tế mở. Một nền kinh tế mở có những giao dịch tự do hơn với thế giới bên ngoài tất nhiên sẽ không tránh khỏi tác động của những biến động kinh tế thế giới. Trong năm vừa qua, suy thoái kinh tế thế giới đã có tác động rõ rệt đối với nền kinh tế Việt Nam thể hiện ở sự sụt giảm trong tăng trưởng GDP hàng năm, trong dòng vốn nước ngoài và kim ngạch xuất nhập khẩu và chúng ta cũng đang phải trải qua thời kỳ suy thoái. Để khắc phục suy thoái và giúp bình ổn nền kinh tế, chính phủ Việt Nam đã nhanh chóng triển khai thực hiện chính sách kích cầu, khởi điểm đầu năm 2009 và tính đến nay tổng gói kích cầu đã thực hiện là 145.600 tỷ đồng¹ tương đương trên 8 tỷ đôla. Theo đánh giá, gói kích cầu này đã đem lại hiệu quả tích cực cho nền kinh tế, với mức tăng trưởng GDP tăng dần theo từng quý, 4,5% trong quý hai và 5,8% trong quý 3, đưa tăng trưởng GDP trong 9 tháng đầu năm đạt 4,6% và do vậy sẽ dễ đạt được mục tiêu tăng trưởng cả năm đặt ra là 5,5%². Tiếp tục với gói kích cầu thứ nhất, gói kích cầu thứ hai đã được chính phủ thông qua nhưng với qui mô nhỏ hơn³.

Chính sách kích cầu bên cạnh những mặt tích cực thì cũng có những hạn chế. Nhận thức được những hạn chế này sẽ giúp chính phủ có được những sự lựa chọn thích hợp trong việc thực thi chính sách. Mục tiêu của bài viết này tập trung vào phân tích lý thuyết về chính sách kích cầu, tầm quan trọng, biện pháp thực thi và đánh giá những tác động của chính sách này trong việc hỗ trợ nền kinh tế thoát ra khỏi thời kỳ suy thoái để phục hồi và phát triển.

Suy thoái là một trong bốn giai đoạn của chu kỳ kinh doanh, bên cạnh ba giai đoạn khác là đáy, phục hồi và đỉnh. Trong thời kỳ suy thoái sản lượng của nền kinh tế sụt giảm, doanh nghiệp phải cắt giảm sản xuất và do vậy cắt giảm nhu cầu thuê lao động làm tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Thu nhập của người dân giảm kéo theo sức tiêu dùng giảm làm doanh nghiệp tiếp tục giảm sản xuất. Nền kinh tế ngày càng lún sâu vào suy thoái. Suy thoái là hiện tượng không thể tránh được trong nền kinh tế thị trường song mục tiêu của chính phủ là giảm thiểu thời gian và tác hại mà nó gây ra đối với nền kinh tế. Chính sách kích cầu có thể được hiểu là chính sách làm tăng tổng nhu cầu xã hội cho hàng hóa và dịch vụ để thúc đẩy sức sản xuất của nền kinh tế, giúp nền kinh tế thoát ra khỏi thời kỳ suy thoái.

Trong lý thuyết kinh tế học, tổng cầu được xác định bởi bốn cấu phần cơ bản là tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu chính phủ và xuất khẩu ròng:

$$AD = C + I + G + NX$$

¹ “Kích cầu kịp thời đã góp phần ổn định kinh tế - xã hội”, <http://home.vnn.vn>

² “Transforming the rebound into recovery”, East Asia and Pacific Update, <http://www.worldbank.org>

³ “Gói kích cầu kinh tế thứ hai đã được Chính phủ thông qua”, <http://www.tinkinhhte.com>

Cấu phần tiêu dùng C chỉ đến chi tiêu cho tiêu dùng của các hộ gia đình hay tiêu dùng của khu vực tư nhân vào việc mua sắm hàng hóa và dịch vụ. Cấu phần đầu tư I bao quát chủ yếu 3 hạng mục cơ bản gồm mua sắm hàng hóa vốn của các doanh nghiệp như máy móc, trang thiết bị, công cụ tư liệu sản xuất; tích lũy hàng tồn kho là các sản phẩm hàng hóa mà doanh nghiệp sản xuất ra song vẫn còn lưu kho và chưa được bán; và xây dựng vào cơ sở hạ tầng, nhà máy, nhà ở. Cấu phần chi tiêu của chính phủ G bao gồm mua sắm hàng hóa và dịch vụ của chính phủ. Cấu phần xuất khẩu ròng NX là phần chênh lệch giữa xuất khẩu (hàng hóa được sản xuất trong nước nhưng được tiêu thụ ở nước ngoài) và nhập khẩu (hàng hóa được sản xuất ở nước ngoài nhưng được tiêu thụ trong nước). Vậy tổng cầu chỉ đến tổng nhu cầu xã hội cho tất cả hàng hóa và dịch vụ được sản xuất trong nước. Như vậy, khi tổng cầu tăng sẽ tạo cơ hội thúc đẩy sức sản xuất trong nước.

Chính sách kích cầu là chính sách làm tăng một hoặc cả bốn cấu phần của tổng cầu để làm tổng cầu tăng lên. Đó là sự kết hợp rất linh hoạt của hầu hết các chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách tài khóa, tiền tệ, chính sách lương tiền, chính sách ngoại thương, tỷ giá hối đoái. Bởi lẽ, những chính sách này là công cụ tác động trực tiếp và gián tiếp đến các cấu phần của tổng cầu.

Trong điều kiện giả thiết mặt bằng giá không thay đổi thì chính sách kích cầu sẽ đẩy sản lượng tăng theo cấp số nhân, nghĩa là một sự gia tăng ban đầu trong bất kỳ cấu phần nào của tổng cầu sẽ làm sản lượng tăng tới m lần.

$$\Delta GDP = m(\Delta C + \Delta I + \Delta G + \Delta NX)$$

Trong đó độ lớn của số nhân m phụ thuộc chủ yếu vào xu hướng tiêu dùng biên của người dân, xu hướng nhập khẩu biên và chính sách thuế thu nhập của chính phủ. Chúng ta sẽ phân tích về chính sách kích cầu thông qua từng cấu phần của tổng cầu.

Kích cầu tiêu dùng

Cấu phần đầu tiên làm kích thích tổng cầu là tiêu dùng. Hàm tiêu dùng được xác định bởi hai thành phần chủ yếu là tiêu dùng tự định $\bar{C}$ và tiêu dùng phụ thuộc vào thu nhập khả dụng $MPC \times Y_D$.⁴

$$C = \bar{C} + MPC \times Y_D$$

Ở đây thu nhập khả dụng chỉ đến thu nhập sau khi đã hoàn thành trách nhiệm thuế đối với chính phủ (thu nhập sau thuế) và được hộ gia đình tùy ý sử dụng. Thu nhập là luồng tiền định kỳ kiếm được từ tất cả các yếu tố sản xuất mà hộ gia đình sở hữu và cung ứng trên thị trường các yếu tố sản xuất bao gồm lương từ lao động, tiền lãi từ việc cho vay vốn, tiền thuê từ việc cho thuê nhà, đất, cổ tức từ cổ phiếu... Thu nhập này được các hộ gia đình sử dụng một phần cho tiêu dùng và phần còn lại để tiết kiệm. Vậy thành phần tiêu dùng phụ thuộc vào thu nhập cho thấy tiêu dùng sẽ tăng khi thu nhập khả dụng tăng lên.

Thành phần tiêu dùng tự định là mức tiêu dùng không phụ thuộc vào thu nhập định kỳ mà phụ thuộc vào các yếu tố khác như lượng của cải mà hộ gia đình sở hữu bao gồm tài sản tài chính (tổng tiền gửi ngân hàng, cổ phần cổ phiếu, trái phiếu hay những tài sản sinh lãi khác) và tài sản thực (bất động sản, ô tô, nội thất), kỳ vọng, khả năng vay nợ như khả năng tiếp cận các nguồn vay để tài trợ cho chi tiêu cho tiêu dùng.

⁴ MPC là xu hướng tiêu dùng biên và Y_D là thu nhập khả dụng. Hàm tiêu dùng được xác định theo mô hình Keynes.

Rõ ràng có thể thấy ở đây tiêu dùng sẽ tăng khi:

- Thu nhập khả dụng tăng;
- Lượng của cải tăng;
- Kỳ vọng lạc quan vào tương lai;
- Tăng khả năng vay nợ như tạo các khoản cho vay cho tiêu dùng.

Trong thời kỳ suy thoái, giá trị lượng của cải giảm và người dân có tâm lý bi quan vào tương lai. Vậy để kích thích tiêu dùng thì chính sách sẽ tập trung vào tăng thu nhập khả dụng và khả năng vay nợ. Thu nhập khả dụng có thể tăng khi chính phủ thực hiện chính sách lương như tăng mức lương tối thiểu; chính sách thuế như giảm thuế thu nhập, thuế đánh vào thu nhập kiếm được từ đầu tư hay cho thuê nhà. Chính sách tăng mức lương tối thiểu mặc dù có tác động làm tăng tiêu dùng song trong thời kỳ suy thoái là khó thực hiện bởi lẽ trong thời kỳ này tỷ lệ thất nghiệp đã cao nên nếu tiếp tục tăng mức lương tối thiểu thì trên thị trường lao động, thất nghiệp còn bị đẩy cao hơn nữa. Trong thời kỳ này, chính sách thuế là hữu hiệu hơn như giảm thuế hay hoãn thuế đối với người có thu nhập.

Chính sách tạo các khoản cho vay cho tiêu dùng có tác động trực diện và tức thời làm tăng tiêu dùng và do vậy làm tăng sức sản xuất. Song thực thi chính sách này cần nên thận trọng bởi một số lý do. Thứ nhất, nếu chỉ tạo các khoản cho vay tiêu dùng nói chung thì khó có thể đánh giá được tác động của nó đến sức sản xuất của nền kinh tế. Bởi lẽ người dân sẽ không chỉ tiêu dùng hàng trong nước mà còn tiêu dùng cả hàng nhập khẩu. Hơn nữa, các nhóm ngành hàng hóa sản xuất có những đóng góp tỷ trọng khác nhau trong GDP. Chỉ khi khuyến khích sử dụng hàng trong nước thì mới tăng sức sản xuất trong nước, còn tiêu dùng hàng nhập khẩu thì thực tế lại làm suy giảm sức sản xuất này. Bên cạnh đó, các nhóm ngành hàng sản xuất có tầm quan trọng khác nhau như tỷ trọng đóng góp vào GDP hay khả năng tạo việc làm cho người lao động. Như vậy, cần có sự lựa chọn những nhóm hàng hóa nào được ưu tiên cho vay tiêu dùng để kích thích sản xuất và phát triển. Vì vậy, chính sách tạo các khoản cho vay cần được thực hiện một cách khôn ngoan, không tràn lan mà phải có trọng điểm.

Thứ hai, ai sẽ là đối tượng nhận các khoản cho vay. Nói chung người có thu nhập thấp chủ yếu tiêu dùng vào hàng hóa thiết yếu còn người có thu nhập cao tiêu dùng nhiều vào hàng hóa xa xỉ. Hàng hóa xa xỉ có giá trị cao nên sẽ có đóng góp cao hơn nhiều và tạo ra cú bật lớn đối với GDP hơn là hàng hóa thiết yếu. Tuy nhiên trong thời kỳ suy thoái người có thu nhập thấp mà phần lớn trong số họ là lao động phổ thông lại chịu thiệt thòi nhiều hơn do bị sa thải và mất việc làm nên họ là đối tượng cần nhận được sự hỗ trợ nhiều hơn. Ngân sách chính phủ chỉ có hạn nên cần xem xét cẩn trọng vấn đề này nếu muốn đạt được tính hiệu quả và công bằng.

Thứ ba là sẽ có sự đánh đổi giữa phát triển ngắn hạn và tăng trưởng dài hạn. Trong ngắn hạn, tiêu dùng cao có tác động tức thời làm tăng tổng cầu và kích thích sản xuất của nền kinh tế cho hàng hóa tiêu dùng. Tuy nhiên tiêu dùng nhiều thì cũng đi đôi với tiết kiệm ít đi và do vậy ít nguồn lực hơn được dành cho đầu tư. Đầu tư là nguồn gốc của tăng trưởng dài hạn bởi nó làm tăng khả năng sản xuất của nền kinh tế. Như vậy có sự đánh đổi giữa hàng hóa tiêu dùng và hàng hóa đầu tư, làm hạn chế tăng trưởng của nền kinh tế trong dài hạn. Kích cầu tiêu dùng chỉ nên được xem xét như giải pháp cấp bách, tạm thời và không nên duy trì lâu. Nó là giải pháp ngắn hạn, không phải là giải pháp hữu hiệu trong dài hạn.

Kích cầu đầu tư

Như có thể thấy rõ đầu tư là một cấu phần của tổng cầu nên để có thể kích cầu thì cần tăng đầu tư. Đầu tư có thể được hiểu như sự trì hoãn tiêu dùng hiện tại để sản xuất hàng hóa vốn, mở rộng sản xuất và tăng tiêu dùng trong tương lai. Nguồn tài trợ cho đầu tư có từ tiết kiệm của cả khu vực công và khu vực tư nhân. Trong một nền kinh tế đóng, đầu tư trong nước hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn tiết kiệm trong nước. Tuy nhiên đối với một nền kinh tế mở thì đầu tư nội địa có thể lớn hơn nhiều so với tiết kiệm trong nước do có sự hỗ trợ của nguồn vốn nước ngoài. Đối với một nước đang phát triển ở giai đoạn đầu tăng trưởng còn chủ yếu dựa vào vốn thì do GDP trong nước còn thấp, tiết kiệm là không đáng kể nên nguồn vốn nước ngoài sẽ tạo một động lực lớn cho đầu tư tăng trưởng. Do vậy, khuyến khích đầu tư nước ngoài là cần thiết.

Đầu tư có thể được thực hiện trong ba khu vực: đầu tư công (đầu tư của chính phủ), đầu tư tư nhân (đầu tư của các doanh nghiệp trong nước) và đầu tư nước ngoài (đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài). Kích cầu đầu tư như vậy có thể hiểu là kích thích đầu tư của ba khu vực trên. Nó được thực hiện bằng cách tăng nguồn vốn đầu tư hoặc tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư như vận dụng công nghệ hiện đại, giảm thất thoát hay hạn chế đầu tư kém hiệu quả.

Có lẽ sẽ hiệu quả hơn nếu phân chia lĩnh vực rõ ràng đối với đầu tư công và đầu tư tư nhân (trong nước và nước ngoài). Nói chung đầu tư công nên được thực hiện đối với những hàng hóa có đặc tính của hàng hóa công cộng, những hàng hóa cần thiết cho sản xuất và tiêu dùng nhưng khu vực tư nhân khó có thể cung cấp do tính khó khai thác hoặc không có nhiều cơ hội lợi nhuận. Đầu tư tư nhân sẽ tập trung vào những hàng hóa có đặc tính của hàng hóa tư nhân. Động cơ lợi nhuận sẽ giúp các doanh nghiệp tính toán sử dụng nguồn vốn một cách có hiệu quả nhất.

Để tăng đầu tư, chính phủ có thể trực tiếp tăng đầu tư của khu vực công và gián tiếp kích thích đầu tư của khu vực tư nhân. Trong giai đoạn đầu của tăng trưởng, xây dựng tốt một cơ cấu cơ sở hạ tầng vật chất và nâng cao mặt bằng nguồn vốn nhân lực là một nền tảng cần thiết giúp giảm chi phí sản xuất và tăng hiệu quả lao động của các doanh nghiệp. Do vậy, tất nhiên tăng đầu tư của chính phủ vào giáo dục, y tế, các công trình cơ sở hạ tầng như sân bay, bến cảng, đường xá, cầu cống là hết sức cần thiết. Nhưng điều đáng nói ở đây là hiệu quả vốn đầu tư vì nguồn vốn đầu tư này không phải là miễn phí, nó có chi phí cơ hội. Với nguồn ngân sách của chính phủ có giới hạn thì việc tập trung vào đầu tư hàng hóa công cộng có lẽ là sự ưu tiên nhất vì đây cũng là hình thức gián tiếp hỗ trợ các doanh nghiệp do giúp làm giảm chi phí sản xuất. Để kích thích đầu tư của khu vực tư nhân phát triển, bên cạnh việc miễn giảm thuế doanh nghiệp, tạo dựng môi trường đầu tư thông thoáng hơn thì việc hỗ trợ vốn trực tiếp cho các doanh nghiệp như hình thức hỗ trợ lãi suất có lẽ nên được xem xét cẩn thận vì vấn đề này cũng có hai mặt: tính hiệu quả và tính công bằng. Xét về tính công bằng thì tất cả các doanh nghiệp đều nên được tiếp cận đến hỗ trợ vốn của chính phủ như nhau. Tuy nhiên xét về tính hiệu quả thì sẽ có các doanh nghiệp làm ăn hiệu quả trong khi các doanh nghiệp khác thì không cho nên với nguồn lực có giới hạn, nếu thực hiện tràn lan sẽ dẫn đến tình trạng lãng phí, không tạo được cú hích mạnh. Tác động của nó đến sức sản xuất của nền kinh tế cũng không phát huy được tối đa. Suy thoái cũng là một hình thức để đào thải những doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả. Do vậy, lại có sự đánh đổi và tùy theo mục tiêu đưa ra mà cần có sự lựa chọn ưu tiên cho các doanh nghiệp nhận hỗ trợ vốn của chính phủ.

Khác với kích cầu tiêu dùng, kích cầu đầu tư có tác động tích cực cả trong ngắn hạn và dài hạn vì đầu tư không chỉ là cấu phần của tổng cầu mà còn là yếu tố cấu thành trữ lượng vốn của tổng cung. Trong ngắn hạn, khi đầu tư tăng sẽ tạo ra công ăn việc làm và nhu cầu hàng

hóa sản xuất trực tiếp cho ngành được đầu tư và tiếp đến là các ngành liên quan và cuối cùng tạo ra làn sóng lan tỏa tăng nhu cầu cho hàng hóa và dịch vụ sản xuất của toàn bộ nền kinh tế. Về dài hạn đầu tư sẽ làm tăng nguồn vốn làm tăng khả năng sản xuất của nền kinh tế và do vậy tổng cung tăng sẽ tạo động lực bền vững cho tăng trưởng dài hạn.

Kích cầu chi tiêu của chính phủ

Như được thấy rất rõ từ lý thuyết dòng luân chuyển thì hàng hóa mà các doanh nghiệp sản xuất ra một phần được tiêu dùng bởi người dân và một phần được đầu tư bởi các doanh nghiệp. Trong thời kỳ suy thoái, nhu nhập của người dân giảm xuống, đồng thời lo sợ trước nguy cơ mất việc làm, các hộ gia đình phải cắt giảm chi tiêu cho tiêu dùng. Điều này dẫn đến nghịch cảnh là hàng hóa mà các doanh nghiệp sản xuất ra không bán được hết và hàng tồn kho không mong muốn sẽ đẩy các doanh nghiệp cắt giảm sản xuất, sa thải nhân công làm thu nhập của người dân tiếp tục giảm và đẩy nền kinh tế lún sâu hơn nữa vào khủng hoảng. Chính phủ khi đó sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc bình ổn nền kinh tế. Bằng việc mua sắm phần chênh lệch giữa lượng hàng hóa mà doanh nghiệp sản xuất và lượng hàng hóa được người dân tiêu dùng, chính phủ giúp giữ niềm tin của các doanh nghiệp trong sản xuất và do vậy giữ nền kinh tế được bình ổn hơn. Về mặt lý thuyết, kích cầu chi tiêu của chính phủ là gia tăng chi tiêu mua sắm của chính phủ giúp giữ tổng cầu không bị sụt giảm, từ đó giúp nền kinh tế không bị lún sâu vào suy thoái. Về thực tiễn, tất nhiên không phải tất cả các doanh nghiệp đều có lợi từ chính sách kích cầu chi tiêu của chính phủ; việc lựa chọn hàng hóa và dịch vụ trong chi tiêu mua sắm của chính phủ sẽ quyết định điều này. Tuy nhiên điều đáng nói ở đây là tác động tổng thể của chính sách này trong việc bình ổn nền kinh tế.

Kích cầu xuất khẩu

Cầu phần cuối cùng trong tổng cầu là xuất khẩu ròng. Đó là phần chênh lệch giữa xuất khẩu và nhập khẩu. Trong một nền kinh tế mở thì hàng hóa lưu thông giữa các nước sẽ có tác động tích cực và tiêu cực đến tổng nhu cầu và do vậy ảnh hưởng đến sức sản xuất của hàng hóa trong nước. Trong khi xuất khẩu làm tăng sức sản xuất hàng hóa trong nước thì nhập khẩu lại làm giảm sức sản xuất này. Trong thời kỳ suy thoái để tăng tổng cầu thì cần phải tăng xuất khẩu và đồng thời giảm nhập khẩu. Tuy nhiên, điều này không phải dễ dàng đạt được.

Chính sách ngoại thương và tỷ giá hối đoái là các chính sách trực tiếp tác động vào xuất khẩu và nhập khẩu. Với chính sách ngoại thương, các biện pháp như thuế quan, hạn ngạch và các rào cản kỹ thuật có thể hạn chế nhập khẩu song trong thời kỳ hội nhập khi hàng hóa được lưu thông thông thoáng và tự do hơn thì các biện pháp này trở nên lỗi thời, thậm chí là vô dụng và không khả thi. Trào lưu khác nhằm hạn chế nhập khẩu là tuyên truyền nâng cao ý thức tự tôn, ưa chuộng hàng trong nước của người dân. Tuy nhiên để biện pháp này thành công về dài hạn thì hàng trong nước phải có tính cạnh tranh cả về giá cả và chất lượng so với hàng ngoại nhập.

Xuất khẩu chủ yếu phụ thuộc vào thu nhập của người nước ngoài. Suy thoái kinh tế thế giới sẽ làm giảm thu nhập của người nước ngoài và do vậy kéo theo sự sụt giảm của xuất khẩu trong nước. Tuy nhiên bên cạnh thu nhập thì cũng có những yếu tố khác quyết định đến lượng xuất khẩu như sở thích và thị hiếu của người tiêu dùng nước ngoài, giá tương đối giữa hàng hóa trong nước và nước ngoài, chi phí vận tải. Để kích thích xuất khẩu, cần phải thực thi những biện pháp tác động đến những yếu tố trên. Trợ cấp xuất khẩu và chính sách tỷ giá hối đoái có thể giúp giảm giá hàng xuất khẩu so với hàng nước ngoài. Chính sách tỷ giá hối đoái có thể phát huy tác dụng đối với cả hàng hóa xuất khẩu cũng như nhập khẩu. Khi tỷ giá của đồng nội tệ được giữ ở mức thấp thì hàng hóa trong nước sẽ trở nên tương đối rẻ hơn so với hàng nước ngoài. Vì thế, nhập khẩu giảm và xuất khẩu tăng lên. Tuy nhiên để thực hiện được

chính sách kiểm soát tỷ giá hối đoái này, chính phủ phải có được nguồn dự trữ ngoại tệ dồi dào, sẵn sàng và có khả năng can thiệp vào thị trường ngoại hối trước những biến động của thị trường này. Bên cạnh các biện pháp hỗ trợ trực tiếp, hình thức hỗ trợ gián tiếp sẽ trở thành chủ đạo trong dài hạn. Các hình thức hỗ trợ gián tiếp là thủ tục hành chính thông thoáng, quảng bá tuyên truyền, đa dạng hóa sản phẩm, các chính sách giúp hàng hóa trong nước tiếp cận rộng hơn tới thị trường người tiêu dùng nước ngoài.

Tài trợ cho chính sách kích cầu

Chính sách kích cầu là cần thiết để giúp nền kinh tế thoát khỏi tình trạng suy thoái. Tuy nhiên cũng cần thiết không kém khi bàn đến nguồn tài trợ cho chính sách này. Nếu chính phủ có thặng dư ngân sách hoặc có nguồn dự trữ dồi dào thì sẽ không gặp vấn đề gì, song trong trường hợp thu không đủ chi thì phải xem xét kỹ đến những tác động đối với nền kinh tế khi tìm nguồn tài trợ cho những khoản chi tiêu này. Thông thường có hai cách chính phủ có thể thực hiện là vay công chúng (trong nước hoặc nước ngoài) hoặc vay ngân hàng trung ương (chính sách tiền tệ mở rộng). Mỗi chính sách đều có mặt mạnh và hạn chế. Đối với chính sách vay công chúng trong nước, với một lượng tiết kiệm nội địa có hạn, vay mượn của chính phủ sẽ làm giảm lượng vốn sẵn có cho khu vực tư nhân vay, từ đó giảm đầu tư của khu vực tư nhân. Đối với chính sách vay nước ngoài thì sẽ làm tăng nợ nước ngoài, trong dài hạn sẽ có tác động tiêu cực đến hoạt động kinh tế trong nước và tăng sự phụ thuộc vào nước ngoài. Chính sách này chỉ nên được thực hiện khi nợ nước ngoài còn trong giới hạn cho phép. Chính sách tiền tệ mở rộng là việc vay tiền từ ngân hàng trung ương (in tiền) để trang trải cho các khoản gia tăng trong chi tiêu và đầu tư chính phủ hay tăng cung tiền trong lưu thông thông qua các hoạt động nghiệp vụ thị trường mở, giảm tỷ lệ chiết khấu hay tỷ lệ dự trữ bắt buộc làm giảm tỷ lệ lãi suất và do vậy tăng đầu tư của khu vực tư nhân. Chính sách này có nguy cơ dẫn đến lạm phát nếu sức tăng trong sản xuất của nền kinh tế không bắt kịp với sức tăng trong tổng cầu, song nó cũng không phải là chính sách tồi nếu nguồn tiền được tài trợ cho đầu tư có hiệu quả giúp tăng sức sản xuất trong dài hạn không những bắt kịp mà thậm chí còn vượt cả sức tăng trong tổng cầu.

Cuối cùng điều đáng lưu ý là thời điểm thực thi chính sách kích cầu vì hiệu lực của chính sách này có độ trễ. Đó là khoảng thời gian khi mà chính sách kích cầu được thực thi và phát huy hết hiệu lực đối với nền kinh tế. Độ trễ này xảy ra do nền kinh tế phải có thời gian trải qua quá trình số nhân khi mà chính sách ban đầu có tác động lan tỏa đến sự vận hành tổng thể của nền kinh tế. Mục tiêu của chính sách kích cầu là “đi ngược chiều gió” kích thích nền kinh tế đang bị suy thoái. Vì vậy, việc tính toán, lựa chọn thời điểm thực thi là rất quan trọng bởi lẽ nếu lựa chọn không đúng thì khi chính sách kích cầu phát huy tác dụng mà nền kinh tế đã chuyển sang giai đoạn phục hồi và phát triển, chính sách kích cầu thậm chí còn phản tác dụng. Đó là kích thích nền kinh tế khi nó đang nóng. Kết quả sẽ là lạm phát.

Chính sách kích cầu trong thời kỳ suy thoái là một công cụ hữu hiệu trong việc hỗ trợ nền kinh tế phục hồi và bình ổn. Bên cạnh những mặt tích cực thì nó cũng có những hạn chế. Biểu hiện rõ nét nhất là sự đánh đổi giữa tính hiệu quả và công bằng, mục tiêu tăng trưởng trong ngắn hạn và dài hạn, phát triển và lạm phát. Việt Nam đã và đang tiếp tục thực hiện chính sách kích cầu thì việc nhận thức đầy đủ tầm quan trọng cũng như những tác động của nó sẽ giúp chúng ta có được những sự lựa chọn khôn ngoan hơn để đạt được những mục tiêu đặt ra.

Tài liệu tham khảo

1. David Romer, *Kinh tế vĩ mô nâng cao*. McGraw-Hill Company, 2006.
2. Mankiw, Gregory. *Kinh tế vĩ mô*. Worth Publishers, 2003.
3. Scarth, William, *Kinh tế vĩ mô: một tiếp cận tới phương pháp nâng cao*. Dryden, 1996.
4. Các bài viết từ trang web:
<http://www.gso.gov.vn>
<http://www.mpi.gov.vn>
<http://www.centralbank.vn>
<http://www.home.vnn.vn>
<http://www.tinkinhte.com>
<http://www.worldbank.org>